

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS-PT

Ngày: 23 - 03 - 2023

V/v: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Nguyễn Thị Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23/03/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2022/TLPT-DS ngày 05/12/2022, về việc “*yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2022/DS-ST ngày 27/9/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2023/QĐ-PT ngày 03/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/DS-PT ngày 02/03/2023 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông Bùi Mạnh T; địa chỉ: 15 đường B, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

* ***Bị đơn:*** Phòng công chứng số 1.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T; địa chỉ: 04 đường C, phường L, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: 15 đường B, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: 19/21 đường K, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

* ***Người kháng cáo:*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Mạnh T trình bày:***

Vừa qua ông T phát hiện sự việc là phòng công chứng số 1 – sở tư pháp tỉnh L đã công chứng không hai hợp đồng ủy quyền trao quyền sử dụng đất của ông cho người khác. Cụ thể:

1. Hợp đồng ủy quyền số 1375 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 có nội dung là tôi là Bùi Mạnh T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T1 là đồng chủ sở hữu có đất được toàn quyền quyết định trong việc chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và giải quyết mọi rủi ro từ việc ủy quyền đối với nhà đất tọa lạc tại 1309 lô A chung cư B số 312 đường H, phường N, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 1-1 và 2 tờ bản đồ số 24 diện tích 1104,5m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số BB 523596 do UBND quận N cấp ngày 20/8/2010.

2. Hợp đồng ủy quyền số 1374 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 có nội dung là tôi Bùi Mạnh T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T1 là đồng chủ sở hữu lô đất được toàn quyền quyết định trong việc chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp và giải quyết mọi rủi ro đối với lô đất tọa lạc phường M, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 1083 tờ bản đồ số 01 diện tích 100m² theo GCNQSDĐ số BG 320341 do Sở tài nguyên môi trường Thành phố M cấp ngày 20/7/2011.

Trên thực tế toàn bộ quá trình ủy quyền này ông T đều không được biết, ông không được ký vào 2 hợp đồng ủy quyền này và cũng không có mặt chứng kiến ký hợp đồng này.

Nay ông T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên vô hiệu 2 hợp đồng ủy quyền nói trên. Việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, hiện nay ông T chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn đại diện phòng công chứng số 1 trình bày:** Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, phòng công chứng số 1 có thực hiện công chứng Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Bùi Mạnh T và bên nhận ủy quyền là bà Nguyễn Thị T1, hồ sơ công chứng bao gồm:

- Hợp đồng ủy quyền số 1375 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 và Hợp đồng ủy quyền số 1374 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013; CMND và sổ hộ khẩu Nguyễn Thị T1 và Bùi Mạnh T; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 320341 và số BB 523596 (bản phô tô). Theo hồ sơ, tài liệu hiện đang lưu trữ thì việc tiếp nhận, trình tự, thủ tục công chứng, hồ sơ công chứng Hợp đồng ủy quyền giữa bên ủy quyền là ông Bùi Mạnh T và bên nhận ủy quyền là Nguyễn Thị T1 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, phòng công chứng số 1 không đồng ý với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng ủy quyền giữa ông Bùi Mạnh T và bà Nguyễn Thị T1 vô hiệu theo yêu cầu của nguyên đơn.

*** Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:** Vào ngày 20/5/2013 bà T1 có cầm sổ đỏ của 2 mảnh đất ở phường L, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh và sổ đỏ của căn hộ chung cư B, bà lên phòng công chứng số 1 và gặp một người phụ nữ nhờ chị đó làm giùm giấy ủy quyền cho 2 mảnh đất và nhà trên thì chị đó đồng ý và giúp bà làm hết mọi thủ tục xong bảo bà ký. Trong 2 hợp đồng ủy quyền này thì chồng bà là ông Bùi Mạnh T không hề ký. Nay ông

Bùi Mạnh T làm đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố 2 hợp đồng ủy quyền vô hiệu thì bà đồng ý vì ông T không ký giấy ủy quyền.

Bà T1 xác định bà là người tự ký thay chữ ký ông Bùi Mạnh T vào 2 hợp đồng ủy quyền. Việc bà T1 tự ký vào 2 hợp đồng ủy quyền này thì công chứng viên là bà Nguyễn Thị H không biết và không liên quan. Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần bồi thường, sau này nếu ông T có kiện bồi thường thì bà sẽ tự đứng ra chịu mọi trách nhiệm về phần bồi thường này.

*** Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:** Ngày 20/5/2013 bà đã thực hiện việc công chứng hợp đồng ủy quyền số 1375 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 và Hợp đồng ủy quyền số 1374 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 cho bên ủy quyền là ông Bùi Mạnh T và bên được ủy quyền là Nguyễn Thị T1.

Tại thời điểm công chứng, bà đã chứng kiến ông T và bà T1 ký trực tiếp vào 2 bản hợp đồng ủy quyền nói trên. Trước khi ký vào hợp đồng ủy quyền cả hai đã cho bà biết họ đồng ý với nội dung của 2 hợp đồng ủy quyền.

Ngày 28/9/2020 bà Nguyễn Thị H làm đơn yêu cầu độc lập đối với việc giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu trong vụ án Yêu cầu tuyên bố hợp đồng ủy quyền giữa ông Bùi Mạnh T và bị đơn phòng công chứng số 1 – Sở tư pháp tỉnh L. Đề nghị Tòa án xem xét bản cam kết của bà T1 với bà về việc bà T1 nhận trách nhiệm bồi thường nếu xảy ra việc bồi thường thiệt hại của công chứng viên. Đồng thời theo bà H cho rằng ông T nói không biết về việc bà T1 gian dối ký hợp đồng ủy quyền là không đúng vì theo bà được biết thời gian năm 2016 đến 2017 vợ chồng ông T vẫn tham gia thực hiện các giao dịch công chứng cùng nhau tại văn phòng công chứng. Đề nghị Tòa án xem xét các chứng cứ cũng như giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong cùng vụ án để đảm bảo giải quyết vụ án được triệt để.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm m khoản 2 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 160, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử : Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Mạnh T

Tuyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1375 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 giữa bên ủy quyền ông Bùi Mạnh T với bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị T1 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L; Và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1374 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 giữa bên ủy quyền ông Bùi Mạnh T với bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị T1 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L; Là vô hiệu.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H làm đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng ủy quyền vô hiệu nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là không đúng pháp luật, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá, lập luận Đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST Ngày 27 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H nằm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 cho bị đơn Phòng công chứng số 1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1, nhưng các đương sự trên vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập của bà về việc giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu trong vụ án là trái quy định của pháp luật, thấy:

Ngày 08/01/2020 ông Bùi Mạnh T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1375 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 giữa bên ủy quyền ông Bùi Mạnh T với bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị T1 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1374 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 giữa bên ủy quyền ông

Bùi Mạnh T với bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị T1 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L là vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Mạnh T là có căn cứ. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị H là người có quyền nghĩa vụ liên quan Trong vụ án kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H về giải quyết hậu quả của hai hợp đồng công chứng vô hiệu trên, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 20/5/2020 Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải vụ án, bà Nguyễn Thị H là người có quyền nghĩa vụ liên quan được Tòa cấp sơ thẩm triệu tập họp lệ nhưng bà H vắng mặt, trong trường hợp không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, (BL 103). Ngày 28/9/2020 bà H làm đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết hậu quả pháp lý của Hợp đồng vô hiệu. Ngày 12/10/2020 Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập bà H lên làm việc với nội dung “*cung cấp địa chỉ của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bị ảnh hưởng đến quyền và lợi ích từ 02 hợp đồng công chứng bị vô hiệu trên, bà H trong thời hạn 07 ngày phải cung cấp cho Tòa những tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện độc lập của mình sau 07 ngày trên bà H không cung cấp thì Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật*” (BL 127). Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm, trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy sau khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thì bà H mới có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự không thụ lý, giải quyết là phù hợp. Sau khi xác định thiệt hại, các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H là không có căn cứ để chấp nhận, mà cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 191/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Điều 122, Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Mạnh T. Tuyên Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1375 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 giữa bên ủy quyền ông Bùi Mạnh T với bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị T1 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L; Và Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1374 quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2013 giữa bên ủy quyền ông Bùi Mạnh T với bên được ủy quyền bà Nguyễn Thị T1 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh L; Là vô hiệu.

[2] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký: Phòng công chứng số 1 – Sở tư pháp tỉnh L phải chịu 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn*) tiền chi phí trưng cầu giám định chữ ký. Hoàn trả cho ông Bùi Mạnh T số tiền 5.040.000 đồng sau khi thu được từ Phòng công chứng số 1 – Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Phòng công chứng số 1 – Sở tư pháp tỉnh L phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Bùi Mạnh T 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí do Bùi Mạnh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0005738 ngày 03/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0021722 ngày 24/10/2022 tại Chi cục thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng